UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 31 /KH-SNN

Hưng Yên, ngày 19 tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH
Cung cấp dữ liệu mở của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 18/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về cung cấp dữ liêu mở trong các cơ quan nhà nước đến năm 2025; Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch cung cấp dữ liệu của Sở Nông nghiệp và PTNT đến năm 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai công bố, cung cấp danh mục dữ liệu mở lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Hưng Yên.

b) Kết nối, liên thông, chia sẻ các cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp để cung cấp dữ liệu mở trên hệ thống dữ liệu mở của tỉnh theo đúng quy định.

2. Yêu cầu

b) Tuân thủ các quy định, hướng dẫn kỹ thuật về trao đổi dữ liệu, về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước và phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh Hưng Yên.

c) Các nội dung cung cấp dữ liệu phải đảm bảo tuân thủ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

c) Xác định cụ thể trách nhiệm cung cấp, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban, đơn vị trong việc quản lý, kết nối, chia sẻ sử dụng dữ liệu. Việc thực hiện cung cấp dữ liệu phải thiết thực, chất lượng và hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Đến hết năm 2025, 100% các phòng,ban, đơn vị thực hiện cung cấp dữ liệu mở lĩnh vực nông nghiệp.

2. Đến hết năm 2025, 100% dữ liệu mở của các phòng, ban, đơn vị được chia sẻ lên Cổng dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên đảm bảo đồng bộ và an toàn dữ liệu.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Cung cấp dữ liệu mở trên Hệ thống thông tin dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên theo Danh mục dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên tại Phụ lục gửi kèm theo Kế hoạch này.

2. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và công bố Dữ liệu mở lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Hưng Yên và cập nhật dữ liệu mở vào Hệ thống thông tin dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên.

3. Thực hiện các giải pháp khuyến khích cá nhân, tổ chức cung cấp và khai thác dữ liệu mở theo quy định tại Khoản 4, Điều 19, Nghị định 47/2020/NĐ-CP. Tiếp nhận ý kiến phản hồi của tổ chức, cá nhân để xác định mức độ ưu tiên và thực hiện công bố dữ liệu mở phù hợp với nhu cầu; Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong xã hội, cộng đồng thực hiện các hoạt động xây dựng, đóng góp để mở rộng dữ liệu mở.

4. Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của mình theo quy định tại Điều 28, Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ khi tham gia trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin dữ liệu mở của tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch bố trí từ dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của các phòng, ban, đơn vị theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế và nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các phòng, ban, đơn vị chủ động xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung trong dự toán ngân sách hằng năm của đơn vị mình trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc

a) Hằng năm, chủ trì thực hiện rà soát dữ liệu của phòng, ban, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ của mình đề xuất Sở (qua Văn phòng Sở) điều chỉnh, bổ sung và công bố Danh mục dữ liệu mở lĩnh vực nông nghiệp tỉnh Hưng Yên. Xác định sự phân loại đối với dữ liệu, ưu tiên cung cấp dữ liệu mở đối với dữ liệu lĩnh vực nông nghiệp mà người dân, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cao, đảm bảo cung cấp và duy trì cung cấp ít nhất một bộ dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên.

b) Tiếp nhận ý kiến phản hồi của tổ chức, cá nhân để xác định mức độ ưu tiên và thực hiện đề xuất công bố dữ liệu mở phù hợp với nhu cầu.

c) Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong xã hội, cộng đồng thực hiện các hoạt động xây dựng, đóng góp để mở rộng dữ liệu mở theo quy định tại Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

d) Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của phòng, ban, đơn vị mình theo quy định về quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

đ) Bố trí cán bộ làm đầu mối phụ trách cập nhật dữ liệu theo phân công trong phụ lục vào Hệ thống thông tin dữ liệu mở để cung cấp trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên theo đúng nội dung, đúng thời hạn.

e) Đối với các phòng, ban, đơn vị đang quản lý, vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu đối với dữ liệu mở nhằm từng bước thực hiện tự động hóa trong thực thi nhiệm vụ.

g) Định kỳ các báo cáo tình hình triển khai cung cấp, duy trì dữ liệu mở gửi Sở (qua Văn phòng sở) tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Sở trong tháng 12 hằng năm.

2. Văn phòng Sở

a) Đầu mối, đôn đốc, theo dõi tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này; phối hợp các phòng, ban, đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

b) Tổ chức tuyên truyền về Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở; Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và dịch vụ chia sẻ dữ liệu tỉnh Hưng Yên; Danh mục dữ liệu mở tỉnh Hưng Yên trên Trang thông tin của Sở.

c) Tổng hợp tình hình cập nhật dữ liệu của phòng, ban, đơn vị báo cáo về Lãnh đạo Sở định kỳ hằng quý, năm và đột xuất.

Trên đây là Kế hoạch cung cấp dữ liêu mở đến năm 2025 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hưng Yên./.

Nơi nhận:
- Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh HY (để t/d);
- Lãnh đạo sở;
- Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH HƯNG YÊN

Đỗ Minh Tuân

Phụ lục

DANH MỤC DỮ LIỆU MỞ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH HƯNG YÊN

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SNN ngày / /2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hưng Yên)

STT	Tên dữ liệu	Mô tả	Đơn vị chủ trì cung cấp	Tần suất cung cấp
1.	Dữ liệu vị trí địa lý các phân vùng rủi ro thiên tai	Mô tả về phân vùng; vị trí địa lý; loại cảnh báo (*bão, nước dâng do bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán,* ..)	Chi cục Quản lý đê điều và PCLB	Năm
2.	Dữ liệu về bảo hộ giống cây trồng	Danh mục giống cây trồng được bảo hộ	Phòng Trồng trọt	Năm
3.	Dữ liệu về dinh dưỡng đất lúa, sử dụng đất lúa	Các yếu tố dinh dưỡng liên quan đến cây trồng, sinh trưởng cây trồng	Phòng Trồng trọt	Năm
4.	Dữ liệu về kế hoạch và kết quả sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	- Kế hoạch sản xuất - Kết quả sản xuất	Phòng Kế hoạch – Tài chính –Thông tin nông nghiệp	Năm
5.	Dữ liệu các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng, khuyến cáo người dân sử dụng	Tên thương mại phân bón; tên thương phẩm thuốc BVTV	Chi cục Bảo vệ thực vật	Năm
6.	Danh sách các cơ sở công bố tiêu chuẩn cơ sở chất lượng giống vật nuôi và thức ăn chăn nuôi	Chọn lọc công bố	Phòng Chăn nuôi	Năm
7.	Danh sách các cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn tỉnh	Tên cơ sở; địa chỉ; loại hình	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Năm
8.	Dữ liệu các sản phẩm thức ăn chăn nuôi	Chọn lọc công bố	Phòng Chăn nuôi	Năm

STT	Tên dữ liệu	Mô tả	Đơn vị chủ trì cung cấp	Tần suất cung cấp
9.	Dữ liệu các cơ sở có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	Tên cơ sở; địa chỉ	Phòng Chăn nuôi	Năm
10.	Danh sách các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh	Loại vật nuôi; đơn vị tính; số lượng (*phân theo địa bàn*)	Phòng Chăn nuôi	Năm
11.	Dữ liệu các tổ chức, cá nhân chăn nuôi trang trại quy mô lớn được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi	Tên đơn vị; địa chỉ; điện thoại (*kèm theo giấy chứng nhận)*	Phòng Chăn nuôi	Năm
12.	Dữ liệu nhu cầu thị trường về sản phẩm chăn nuôi	Bản tin dự báo thị trường	Phòng Kế hoạch – Tài chính –Thông tin nông nghiệp	Năm
13.	Thông tin về giá và thị trường sản phẩm chăn nuôi trên địa bàn tỉnh	Loại sản phẩm chăn nuôi; đơn vị tính; giá dự báo (*theo tháng*)	Phòng Kế hoạch – Tài chính –Thông tin nông nghiệp	Khi có thay đổi
14.	Dữ liệu đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản	- Cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở khoa học phục vụ công tác quản lý, sử dụng nguồn lợi thủy sản bền vững; - Xác định trữ lượng, sản lượng cho phép khai thác, đánh giá sự biến động của nguồn lợi thủy sản, chất lượng môi trường sống của loài thủy sản.	Phòng Thủy sản	Năm
15.	Dữ liệu danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh	Loài thủy sản và sản phẩm thủy sản được nuôi trồng, kinh doanh trên địa bàn tỉnh	Phòng Thủy sản	Năm

STT	Tên dữ liệu	Mô tả	Đơn vị chủ trì cung cấp	Tần suất cung cấp
16.	Dữ liệu cơ sở nuôi trồng thủy sản	Tên cơ sở; số điện thoại; địa điểm nuôi trồng; loại nuôi trồng	Phòng Thủy sản	Năm
17.	Dữ liệu dự báo, cảnh báo lũ, ngập lụt, úng, hạn hán, thiếu nước	Dự báo mức bảo đảm về nguồn nước trong vụ; dữ liệu cảnh báo phục vụ người dân; vùng, địa bàn; thời điểm - thời gian	Chi cục Thủy lợi	6 tháng
18.	Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước, phục vụ công tác chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất và dân sinh kinh tế	Dữ liệu trữ lượng nguồn nước trong công trình thủy lợi phục vụ công tác điều hành tưới, tiêu phục vụ sản xuất và dân sinh kinh tế. Vùng, địa bàn; thời điểm - thời gian; tình trạng trữ lượng nguồn nước	Chi cục Thủy lợi	6 tháng